

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Bốn

Ông Thạch Khmau

Ông Nguyễn Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quang Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Phương T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1994. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh, nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chỗ ở hiện nay: Số I, đường T, khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; có vợ và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giữ từ ngày 26/7/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Phương T: Luật sư Nguyễn Truyền T2 – Công ty L5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt)

2. Trần Thị Kim N; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1991. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh, nơi cư trú: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chỗ ở hiện nay: số I, đường T, khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không;

trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh B, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969; có chồng và 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bắt cầm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/7/2024 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim N:* Luật sư Lê Nhựt H1 – Công ty TNHH một thành viên T6, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt)

3. Ngô Phước A; sinh ngày 26 tháng 5 năm 1995. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh, nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn D, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Hồng L1, sinh năm 1969; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Trần Phúc B1; sinh ngày 20 tháng 02 năm 1994. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Kỹ sư điện; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N1 (chết) và bà Huỳnh Thị Thanh T3, sinh năm 1970; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Đoàn Thị Thu T4; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1991. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn L2 (chết) và bà Lâm Thị B2, sinh năm 1962; có chồng và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Trần Diệu H2; sinh ngày 04 tháng 4 năm 1997. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q (chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1962; có chồng đã ly hôn và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Huỳnh Thị Hồng H3, sinh năm 1986. Nơi cư trú: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt)

2/ Trần Thị C, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- Người làm chứng:

1/ Lê Thành C1, sinh năm: 2001. Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Lê Thị Hồng T5, sinh năm: 2005. Nơi cư trú: ấp K, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt)

3/ Dương Văn M, sinh năm: 2004. Nơi cư trú: số G, H, khóm A, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Phương T và Trần Thị Kim N sinh sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, có 02 người con chung. Bị cáo N thuê căn nhà số I, đường T, khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh của ông Dương Văn M, sinh năm 2004 cư trú: số G, đường H, khóm A, phường E, thành phố T để ở và bán quần áo. Năm 2023, bị cáo Huỳnh Phương T và bị cáo Trần Thị Kim N đã có sự bàn bạc, thống nhất với nhau mua ma túy bán lại và sửa chữa căn phòng trang bị máy chiếu, đèn, hệ thống loa nhạc cho người khác thuê để sử dụng trái phép chất ma túy nhằm mục đích vừa thu tiền bán ma túy vừa thu tiền thuê phòng để tăng thu nhập bất chính cá nhân.

Ngày 22/7/2024, bị cáo N liên lạc với người đàn ông tên C2 ở thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy Ketamine và thuốc lắc với giá 10.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, bị cáo N đưa tiền 10.000.000 đồng và số tài khoản của người tên C2 cho bị cáo Huỳnh Phương T lên thành phố Hồ Chí Minh để nhận ma túy. Bị cáo T thuê xe ô tô biển số 84A – 055.43 của ông Mai Thành Đ, sinh năm 1999, cư trú số 234, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh chạy đến khu vực gần Bệnh viện Nhi Đồng thành phố H, mua ma túy và chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản cho tên C2. Khi về nhà bị cáo T và bị cáo N kiểm tra gồm 01 túi chứa 100 viên thuốc lắc màu xám và 01 túi chứa khoảng 100 gam dạng bột màu trắng là ma túy Ketamine thường gọi là “Khây”. Sau khi kiểm tra xong, bị cáo T mang ma túy vào căn phòng ngủ của vợ chồng cất giấu trong tủ quần áo.

Khoảng 22 giờ ngày 25/7/2024, sau khi uống bia xong, bị cáo Ngô Phước A bàn bạc với bị cáo Trần Phúc B1 tìm địa điểm sử dụng ma túy, tiền mua ma túy và tiền thuê phòng cả hai hùng chia nhau trả. Lúc này, bị cáo A điện thoại rủ Lê Thành C1, sinh năm 2001, cư trú ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng sử dụng

ma túy chung thì C1 đồng ý. Bị cáo B1 nhắn tin điện thoại cho bị cáo Đoàn Thị Thu T4 thuê phòng để sử dụng ma túy thì bị cáo T4 chỉ địa điểm nhà bị cáo N. Lúc này, bị cáo T4 điện thoại cho bị cáo N đặt phòng tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo T4 nói với bị cáo N gọi thêm bị cáo Trần Diệu H2 đến nhà bị cáo N để phục vụ khách sử dụng ma túy thì bị cáo N đồng ý. Biết được có người đến thuê phòng thuê sử dụng ma túy thì bị cáo T4 chỉnh nhạc và mở cửa hướng dẫn cho người thuê phòng sử dụng ma túy. Lần lượt bị cáo H2 điều khiển xe mô tô 84AK – 055.59, nhãn hiệu honda, loại Visson đến nhà bị cáo N trước, bị cáo T4 điều khiển xe 84L1 – 603.21 nhãn hiệu honda, loại Visson đến chờ bị cáo B1 vào nhà Bị cáo N sau, còn bị cáo A đứng chờ đầu hẻm dẫn C1 vào nhà Bị cáo N. Bị cáo T4 mở cửa và hướng dẫn cho 04 bị cáo H2, T4, B1, A và đối tượng C1 vào phòng số 2 tính từ cửa cổng vào để tổ chức sử dụng ma túy. Lúc này, bị cáo B1 thỏa thuận mua ma túy với bị cáo N thì bị cáo N lấy 04 viên thuốc lắc và 01 bịch ma túy loại Ketamine nhưng chưa có tính tiền. Sau đó, bị cáo T4 chia đôi viên thuốc lắc ra tự uống và đưa nửa viên thuốc lắc cho bị cáo B1, bị cáo A, bị cáo H2 và đối tượng C1 uống, còn bị cáo N xào ma túy Ketamine trên đĩa sứ rồi dùng thẻ kẻ nhiều đường, lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn để con nghiện hít ma túy. Lúc này, bị cáo N điện thoại cho Lê Thị Hồng T5, sinh năm 2005, cư trú ấp K, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đến nhà bị cáo N để phục vụ khách sử dụng ma túy. Bị cáo T4 đưa cho T5 nửa viên thuốc lắc để uống nhưng T5 không uống mà cất giấu trong người. Quá trình sử dụng ma túy, các bị cáo T4, B1, A, H2 và đối tượng C1 lần lượt chuyển đĩa sứ có chứa ma túy loại Ketamine hít vào cơ thể rồi nằm ngủ.

Đến khoảng 3 giờ sáng ngày 26/7/2024, bị cáo H2 đem đĩa sứ ra hơ nóng để cho bị cáo T4 xào ma túy cho bị cáo B1, A, T4, H2 và đối tượng C1, T5 tiếp tục sử dụng ma túy, sau đó T5 đi về nhà trước. Vào khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy Công an thành phố T phối hợp cùng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra bắt quả tang tại phòng thứ 02, căn nhà số I, đường T, khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh gồm có bị cáo B1, A, T4, H2 và đối tượng C1 có tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 10 tháng 7 năm 2024 bị cáo Huỳnh Phương T có đến khu vực Bệnh viện Nhi Đồng thành phố H gặp một người nam có tên gọi là H4 không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể để mua 09 bịch ma túy (gọi là nước vui) với giá 12.000.000 đồng mang về cất giấu tại nhà thì bị cáo N biết rõ mục đích mua ma túy là để bán lại cho người khác sử dụng nhằm kiếm tiền lời, nhưng chưa bán ma túy được thì bị bắt quả tang và thu giữ. vật chứng.

Tiến hành khám xét tại phòng ngủ của bị cáo T, bị cáo N và phòng thứ 02 nơi tổ chức sử dụng ma túy thu giữ vật chứng gồm:

- 09 túi màu đỏ, được hàn kín, kích thước 10cm x 06cm, bề mặt có in chữ Ferrari và logo hình con ngựa, bên trong có chứa chất nghi là ma túy.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, kích thước 4,5cm x 3,5cm, loại vuốt khoá miệng, cạnh dưới được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là chất ma túy.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, kích thước 13cm x 08cm, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là chất ma túy. - 01 túi nylon dạng túi Zip, kích thước 13cm x 08cm, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, bên trong có chứa 100 viên nén màu xám đen, không rõ hình dạng, nghi là chất ma túy.

- 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính 23,5cm, bề mặt đĩa có dính chất màu trắng nghi là ma túy.

- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng, cuộn thành ống dài 13,5cm, đường kính 0,7cm, hai đầu có đầu lọc thuốc lá màu cam;

- 01 thẻ nhựa màu cam, kích thước 8,5cm x 5,5cm; 01 túi nylon màu trắng trong suốt, dạng túi Zip, có viền màu đỏ, đáy hàn kín, kích thước 6,2cm x 4,7cm, đã qua sử dụng.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 11cm x 7cm, bên trong có chứa chất bột màu xám đen nghi là chất ma túy.

- 01 bật lửa màu cam, có chữ BIC.

- 01 ống nhựa màu trắng dạng ống hút, được hàn kín một đầu, kích thước 5cm x 0,8cm.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 3,5cm x 2,8cm.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 4,2cm x 3,8cm

- 01 túi nylon trong suốt, miệng hở, kích thước 06cm x 05cm

- 01 đoạn nhựa màu trắng được hàn không kín một đầu, không rõ hình dạng, kích thước 07cm x 1,8cm.

- 01 (một) máy chiếu màu trắng đen, số sêri 7B31DPKONg31Q310068, đã qua sử dụng.

- 01 hệ thống loa màu đen, nhãn hiệu BANHBAO, loại 300W.

- 01 thiết bị đèn Lazer show, TX-888, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị đèn Lazer show, MP7979.V10, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị đèn PartyLights, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị máy chiếu màu đen, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

- 01 phần viên nén màu xám đen, không rõ hình dạng, nghi là chất ma túy.
- 02 túi nylon dạng túi Zip có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, kích thước 09 x 06 cm, đã qua sử dụng, bên trong có chứa chất nghi là ma túy.
- 01 thẻ nhựa màu xanh trắng (thẻ sim mạng Vinaphone).
- 01 máy chiếu không nhãn hiệu, màu đen.
- 01 thiết bị đèn Lazer Show MP-787, màu đen.
- 01 ống nhựa màu xanh trắng kích thước 13 x 0,6 cm.
- 01 Camera màu trắng nhãn hiệu Tiandy, số 488206C3496A00110 model: TC-H322N, IP: 192.168.1.2, Key: 145BA3AB, kèm theo 01 thẻ nhớ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.
- 01 Camera màu trắng nhãn hiệu Tiandy, số 488206C3507A01375, model: TC-H322N, IP: 192.168.1.2, Key: 9D53969B, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.
- 01 điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy Iphone 11 Promax, 01 điện thoại samsung Galaxy Note20 5G đã qua sử dụng của bị cáo Ngô Phước A.
- 01 điện thoại di động màu xanh, tên kiểu máy Iphone 12 Promax, đã qua sử dụng của Bị cáo Trần Phúc B1.
- 01 điện thoại di động màu hồng, tên kiểu máy Iphone XS MAX, đã qua sử dụng của Bị cáo Trần Diệu H2.
- 01 điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng của Bị cáo Đoàn Thị Thu T4.
- 02 điện thoại di động màu hồng và màu vàng tên kiểu máy Iphone 7 Plus và Iphone 8 Plus của đã qua sử dụng của Bị cáo Huỳnh Phương T (tại bút lục 155, 156; 169 đến 180).

Qua test nhanh, Huỳnh Phương T dương tính với ma túy Methamphetamine; Ngô Phước A, Trần Phúc B1, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 và Lê Thành C1 dương tính với ma túy MDMA, Ketamine, M1 (bút lục số 518 đến 524).

Tại bản kết luận giám định số: 371/KL-KTHS ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Gợi 01:

+ Tinh bột màu cam chứa trong 09 túi màu đỏ được niêm phong ký ký hiệu NS3 mã số NS3 2035629 gửi giám định là ma túy; loại: MDMA, Ketamine; tổng khối lượng: 53,2638 gam.

+ Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 túi nylon được niêm phong ký hiệu NS3 mã số NS3 2035629 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng: 0,1081 gam.

- Gói 02:

+ Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 túi nylon được niêm phong ký hiệu NS3 mã số NS3 2035647 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng: 97,7655 gam.

+ 100 (một trăm) viên nén màu xám đen chứa trong 01 túi nylon được niêm phong ký hiệu NS3 mã số NS3 2035647 gửi giám định là ma túy; loại: MDMA; tổng khối lượng: 54,6500 gam

- **Gói 03:** Tinh thể rắn màu trắng trên 01 đĩa màu trắng, bằng sứ được niêm phong ký hiệu NS1 mã số NS1 23002058 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng: 0,1564 gam.

- **Gói 04:** Trên bề mặt 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng, 01 (một) thẻ nhựa màu cam và bên trong 01 (một) túi nylon được niêm phong ký hiệu NS3 mã số NS3 2035645 gửi giám định có tìm thấy ma túy; loại: Ketamine; dạng vết không xác định được khối lượng.

- Gói 05:

+ Bên trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong ký hiệu NS2 mã số NS2 2003459 gửi giám định có tìm thấy ma túy; loại: Methamphetamine; dạng vết không xác định được khối lượng.

+ Trên bề mặt 01 (một) thẻ nhựa màu xanh trắng được niêm phong ký hiệu NS2 mã số NS2 2003459 gửi giám định có tìm thấy ma túy; loại: Ketamine; dạng vết không xác định được khối lượng.

- **Gói 06:** Tinh bột màu xám đen chứa trong 01 (một) túi nylon được niêm phong ký hiệu NS3 mã số NS3 2035646 gửi giám định là ma túy; loại: MDMA; khối lượng: 0,0561 gam.

- **Gói 07:** 01 (một) viên nén màu xám đen được niêm phong ký hiệu NS3 mã số NS3 2035648 gửi giám định là ma túy; loại: MDMA; khối lượng: 0,2167 gam.

Tổng cộng số lượng ma túy thu giữ trong phòng ngủ (phòng số 1) của bị cáo Huỳnh Phương T và bị cáo Trần Thị Kim N là: 206,2166 gam (trong đó tỷ lệ % của hai chất ma túy 104%). Số lượng ma túy thu giữ trong phòng (phòng số 2) của Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4 và Trần Diệu H2 là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng: 0,1564 gam (bút lục số 130 đến 138).

Trước đó, vào khoảng 22 giờ, ngày 01/03/2024 bị cáo B1 liên lạc và nhờ bị cáo T4 tìm nơi để bị cáo B1 và bị cáo A đến mua và sử dụng ma túy. Do bị cáo

T4 quen biết với bị cáo N nên đã liên hệ và được bị cáo N đồng ý. Sau đó, bị cáo T4 đã hẹn bị cáo B1 cùng bị cáo A đến nhà của bị cáo N tại căn nhà số I, đường T, khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Khi đến trước cổng thì bị cáo T ra mở cửa rào và dẫn cả ba bị cáo T4, B1, A vào phòng thứ 2 của căn nhà, khoảng 05 phút sau thì có bị cáo N bước vào gặp bị cáo T4, B1, A và hỏi bị cáo B1 việc sử dụng ma túy, khi thoả thuận mua ma túy xong thì bị cáo A có nói là “đợi thêm một người nữ nữa đến rồi hãy bay”. Khoảng 10 phút sau thì có một người nữ đến không nhớ họ tên vào chung phòng với các bị cáo B1, A, T4 thì bị cáo N vào phòng và mang theo ma túy gồm: 02 viên thuốc lắc và Ketamine được để sẵn trên một đĩa sứ. Lúc này bị cáo N đưa cho bị cáo T4 một viên thuốc lắc, sau đó bị cáo T4 bẻ đôi thành 02 phần nhỏ rồi đưa cho bị cáo B1 01 phần, bị cáo T4 01 phần cả hai cùng uống. Còn 01 viên thuốc lắc thì bị cáo N đưa cho bị cáo A và một người nữ để sử dụng. Còn bị cáo N cầm đĩa sứ có để sẵn chất ma túy loại Ketamine và 01 ống hút được làm bằng tờ tiền cuộn tròn bằng mệnh giá 10.000 đồng đồng thời “xào” ma túy và đưa cho bị cáo T4, sau đó Bị cáo N bước ra ngoài, tiếp theo Bị cáo T4 đưa cho bị cáo B1 sử dụng bằng cách hít trực tiếp vào mũi, lần lượt đến bị cáo A, bị cáo T4 và một người nữ cùng sử dụng, sử dụng xong cả 04 người nằm ngủ tại phòng. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 02/3/2024, thì bị cáo B1 và bị cáo A gặp bị cáo N thanh toán số tiền 5.800.000 đồng (trong đó 4.800.000 đồng tiền thuê phòng, tiền thuốc lắc và tiền K và 1.000.000 đồng là tiền bồi dưỡng cho bị cáo T4. Số tiền 5.800.000 đồng được chuyển khoản từ tài khoản số 7340327364 của bị cáo Trần Phúc B1, tại ngân hàng Đ1 đến số tài khoản 020102011991 của bị cáo Trần Thị Kim N tại ngân hàng Q1 (MB) (bút lục số 531, 533, 540744; 748; 779; 782; 805; 826, 827)

Ngoài ra vào ngày 10/5/2024 bị cáo Trần Thị Kim N nhắn tin qua Zalo cho bị cáo Huỳnh Phương T lấy ma túy cất giấu trong phòng ngủ phân chia ma túy thành “01 chাম ma túy” loại “ketamine” và lấy 01 viên thuốc lắc (kẹo) đem đến tại khu vực ngã ba đường thuộc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh để bán cho một người nam tên L3 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) và nhận số tiền là 1.300.000 đồng (bút lục số 476; 755, 747).

Đối với Lê Thị Hồng T5 có cùng với các bị cáo T4, B1, A, H2 sử dụng ma túy tại nhà bị cáo N, Bị cáo T. Khi bị cáo T4 đưa nửa viên ma túy (thuốc lắc) cho đối tượng T5 uống nhưng đối tượng T5 đã cất giấu ma túy để sử dụng khi đi khỏi nhà bị cáo N, bị cáo T thì bị Công an thành phố bắt quả tang. Ngày 02/8/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Lê Thị Hồng T5 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự (bút lục số 576 đến 577).

Đối với Lê Thành C1 có cùng với các bị cáo T4, B1, A, H2 sử dụng ma túy tại nhà bị cáo N, Bị cáo T nhưng Lê Thành C1 không bàn bạc, hù dọa tiền mua ma

túy cùng với các Bị cáo mua và tổ chức sử dụng ma túy. Tuy nhiên qua test nhanh Lê Thành C1 dương tính với ma túy loại Ketamine, Công an tỉnh T đã ra quyết định xử phạt số tiền 1.500.000 đồng (bút lục số 573)

Đối với tên C2, tên H4 là người bán ma túy cho Bị cáo N, Bị cáo T nhưng không biết rõ họ tên địa chỉ cụ thể khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau (bút lục số 743).

Đối với người tên L3 là người mua ma túy của Bị cáo N nhưng không biết rõ họ tên địa chỉ cụ thể khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau (bút lục số 747).

Đối với 02 xe mô tô 84AK – 055.59, nhãn hiệu honda, loại Visson là tài sản của bà Trần Thị C, sinh năm 1966, cư trú ấp R, xã N, huyện C và xe 84L1 – 603.21 là tài sản của chị Huỳnh Thị Hồng H3, sinh năm 1970, cư trú khóm C thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do Bị cáo H2, Bị cáo T4 sử dụng xe làm phương tiện phạm tội thì bà C, chị H3 không biết nên trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với anh Mai Thành Đ cho Bị cáo T thuê xe đến thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy nhưng ông Đ không biết nên không có cơ sở xử lý (bút lục số 695).

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSTV-P1 ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Huỳnh Phương T, Bị cáo Trần Thị Kim N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Thị Kim N, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Diệu H2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 đều trình bày và thừa nhận cáo trạng của viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng với hành vi của các bị cáo đã thực hiện, đúng với tội danh mà bị cáo phạm tội không có ý kiến đối với nội dung cáo trạng truy tố, không kêu oan, không cung cấp tài liệu chứng cứ tại phiên tòa. Riêng bị cáo Trần Thị Kim N2 cho rằng bị cáo không phạm hai tội danh như cáo trạng truy tố, bị cáo kêu oan, không cung cấp tài liệu chứng cứ tại phiên tòa.

** Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Vị kiểm sát cho rằng đã đủ cơ sở quy kết các bị cáo về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố nên Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Huỳnh Phương T và bị cáo Trần Thị Kim N về tội “Mua bán

trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Thị Kim N; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4 về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Diệu H2 về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4; Trần Diệu H2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo T, B1, A, T4 tự thú khai ra các hành vi phạm tội trước đó chưa bị ai phát hiện, bị cáo T có bà N3 là mẹ Việt Nam Anh H4, bị cáo H2 có ông N3 là liệt sĩ, bị cáo A là lao động chính, các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Thị Kim N; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4; Trần Diệu H2 đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Thị Kim N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị:

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Phương T 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt hai tội từ 28 năm đến 29 năm tù.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim N 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt hai tội từ 28 năm đến 29 năm tù.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Phúc B1 07 năm đến 09 năm tù.

Xử phạt bị cáo Ngô Phước A 07 năm đến 09 năm tù.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Thu T4 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Diệu H2 07 đến 08 năm tù.

Ngoài ra Vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T và bị cáo N nộp tiền thu lợi bất chính 6.100.000đ sung vào ngân sách Nhà nước và xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Phương T: Thống nhất nội dung cáo trạng cũng như quan điểm của kiểm sát viên tại phiên truy tố bị cáo Huỳnh Phương T hai tội danh và định khung hình phạt. Tuy nhiên, khi nghị án đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét cho bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công cách mạng, trong đó có bà nội là bà mẹ Việt Nam Anh H4, bị cáo đang trực tiếp thờ cúng. Về hình phạt thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát mức hình phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mà Viện kiểm sát đã đề nghị 20 năm tù. Đối với mức hình phạt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đối với bị cáo T là chưa phù hợp vì bị cáo T phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt thấp hơn so với mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim N: Nội dung cáo trạng cũng như quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa giữ y truy tố bị cáo Trần Thị Kim N hai tội danh là chưa đủ căn cứ. Cơ quan điều tra chưa trích xuất cuộc gọi giữa bị cáo N và người tên C2, chưa trích xuất làm rõ việc bị cáo N nhắn tin chỉ đạo bị cáo T giao ma túy cho người tên L3 nên chưa có cơ sở trực tiếp xác định bị cáo N bán ma túy. Đồng thời các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có mâu thuẫn với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo N không phạm hai tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo Trần Thị Kim N tranh luận cho rằng: Bị cáo không phạm hai tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Các bị cáo Huỳnh Phương T, Ngô Phước A, Trần Phúc B1, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 không tham gia tranh luận

Lời nói sau cùng của các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2: Các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. riêng bị cáo Trần Thị Kim N cho rằng bị cáo không phạm hai tội danh như cáo trạng truy tố, bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố

tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huỳnh Phương T khai nhận: bị cáo cùng bị cáo N bàn bạc thống nhất mua ma túy nhằm để bán lại và cho thuê phòng thuộc quyền quản lý của hai bị cáo để họ sử dụng ma túy.

Ngày 22/7/2024, bị cáo N điện thoại mua ma túy và đưa cho bị cáo 10.000.000 đồng và số tài khoản của người tên C2, bị cáo là người đi thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy đem về. Đến khoảng 22 giờ ngày 25/7/2024 bị cáo Trần Phúc B1 và Ngô Phước A bàn bạc tìm địa điểm sử dụng ma túy, bị cáo T4 điện thoại cho bị cáo N đặt phòng, bị cáo B1 thỏa thuận với bị cáo N mua ma túy và cùng với các bị cáo T4, A, H2 cùng với anh C1 sử dụng ma túy tại phòng thuê của bị cáo T và N đến sáng 26/7/2024 các bị cáo bị bắt.

Trong quá trình điều tra bị cáo T còn khai trước đó vào ngày 10/7/2024 bị cáo còn mua 12 bịch ma túy giá 12.000.000đ cất giấu tại nhà, bị cáo N biết rõ mua về để bán nhưng chưa bán được thì bị bắt.

Ngoài ra bị cáo T còn khai vào ngày 10/5/2024 bị cáo N nhắn tin cho bị cáo qua zalo lấy ma túy phân ra 01 chাম ketamine và 01 viên thuốc lắc đem đến giao cho một người tên L3 tại ngã ba đường thuộc ấp trì phong xã hòa L4 và nhận số tiền 1.300.000đ.

Các bị cáo Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 khai nhận bị cáo B1 và A bàn bạc tìm địa điểm sử dụng ma túy, B1 nhắn tin cho bị cáo T4 thuê phòng để sử dụng ma túy, sau đó bị cáo T4 điện thoại cho bị cáo N đặt phòng, bị cáo B1 thỏa thuận với bị cáo N mua ma túy gồm 04 viên thuốc lắc, 01 bịch ma túy Ketamine và cùng với các bị cáo T4, A, H2 cùng với anh C1 sử dụng ma túy tại phòng thuê của bị cáo T và bị cáo N; trong đêm 25 rạng sáng 26/7/2024 các bị cáo 02 lần sử dụng trái phép chất ma túy thì bị bắt.

Ngày 01/3/2024 các bị cáo B1, A nhờ bị cáo T4 tìm mua ma túy sử dụng, bị cáo T4 liên hệ bị cáo N, tại phòng số 02 nhà của bị cáo N và bị cáo T gồm có các bị cáo B1, A, T4 cùng với một người nữ không biết tên, bị cáo N mang vào 02 viên thuốc lắc và Ketamine tất cả 03 bị cáo và người nữ cùng sử dụng; sáng 02/3/2024 bị cáo B1 và A gặp bị cáo N thanh toán số tiền 5.800.000đ trong đó tiền phòng 4.800.000đ và 1.000.000đ tiền ma túy theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo N số 020102011991 tại ngân hàng Q1.

Tại Kết luận giám định số 371/KL-KTHS ngày 31/7/2024 của Phòng K1 công an tỉnh T kết luận:

Tổng số lượng ma túy thu giữ tại phòng ngủ số 01 của bị cáo T và bị cáo N là **206,2166 gam** (trong đó tỷ lệ % của 02 chất ma túy Ketamine và MDMA là **104%**). Tổng số lượng ma túy thu giữ tại phòng số 02 của Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 thuê là **ma túy**, loại Ktamine, khối lượng **0,1564 gam**.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 xác định lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra là đúng, do các bị cáo tự khai không bị tác động dụ dỗ, hướng dẫn bởi ý chí của Cơ quan Điều tra. Do đó lời khai của các bị cáo được xác định là khách quan và nhất quán với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa không thay đổi, phù hợp với vật chứng thu được, biên bản khám xét, biên bản hiện trường, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4; Trần Diệu H2 đều thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm tổ chức sử dụng trái phép ma túy và bị cáo Huỳnh Phương T còn phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Trần Thị Kim N2 quanh co không thừa nhận tội cho rằng bị cáo không phạm hai tội danh như cáo trạng truy tố, bị cáo bị oan. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N2 không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo không thừa nhận cùng bị cáo T bán ma túy và cho thuê phòng để sử dụng ma túy là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại bản tự khai ngày 26/7/2024 (BL 715 đến 716) và biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2024 bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội việc thừa nhận tội này của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 và lời khai anh C1 trong quá trình điều tra, cũng như lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với tài liệu thu thập từ kết quả sao kê tài khoản của bị cáo N2 tại ngân hàng Q1 vào ngày 02/3/2024 bị cáo B1 chuyển tiền cho bị cáo N2 vào tài khoản của bị cáo N2 số 020102011991 và tài liệu trích xuất tin nhắn bị cáo N2 cho bị cáo B1 về việc bán và giao ma túy cho người tên L3 (Bút lục 476), việc này phù hợp lời khai bị cáo T, A và bị cáo B1 cùng với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án từ đó có cơ sở xác định lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo N2 tại các bức lục trên là khách quan phù hợp với diễn biến vụ án, việc bị cáo N2 cho rằng do người khác hướng dẫn bị cáo khai và đọc cho bị cáo viết là không có căn cứ, với những tài liệu, chứng cứ trên cùng với khối lượng ma túy thu giữ có đủ căn cứ kết luận bị cáo N2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố và quan điểm của Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo Huỳnh Phương T, bị cáo Trần Thị Kim N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các Bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Thị Kim N, Trần Phúc

B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Diệu H2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật về tội danh và khung hình phạt, không oan cho bị cáo N.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng và hành vi các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng đặc biệt xấu đến sức khỏe, khả năng lao động của con người, đồng thời tội phạm ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận là nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và hành vi mua bán và tổ chức sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm để có tiền tiêu xài cho cá nhân, bị cáo N cố tình chối không nhận tội, không biết ăn năn hối cải để cải sửa bản thân quay về con đường làm ăn chân chính trong khi bị cáo phạm tội đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo để xem xét, đánh giá toàn diện hành vi và hậu quả tính chất nguy hiểm của từng bị cáo khi áp dụng hình phạt.

Trong vụ án này bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Thị Kim N là người mua ma túy đem về để bán và tổ chức cung cấp ma túy, địa điểm, dụng cụ sử dụng trái phép ma túy nhiều lần cho nhiều người, bị cáo N đóng vai trò chính, còn bị cáo T đóng vai trò giúp sức tích cực nên hành vi của các bị cáo mua bán nhiều lần, tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy, phạm cùng lúc hai tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc.

Bị cáo Trần Phúc B1, Ngô Phước A là người đứng ra mua ma túy và trực tiếp rủ rê lôi kéo bị cáo T4 và bị cáo H2 tham gia vào việc phạm tội và thực hiện tội phạm nhiều lần cho nhiều người và đóng vai trò chính trong vụ án phạm tội rất nghiêm trọng nên phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Đoàn Thị Thu T4 và Trần Diệu H2 mặc dù hai bị cáo biết việc bung, phân, đưa ma túy, làm nóng dụng cụ sử dụng ma túy cho người khác sử dụng và bản thân cũng sử dụng là hành vi phạm tội nhưng vẫn thực hiện mặc dù với vai trò giúp sức nhưng rất tích cực nên phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên cũng cần áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ cho các bị cáo: tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm

nhẹ: Các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Huỳnh Phương T; Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4 tự thú khai nhận hành vi phạm tội trước đó ngày 01/3/2024 chưa bị ai phát hiện, bị cáo T có bà N3 là bà mẹ Việt Nam Anh H4, bị cáo H2 có ông N3 là liệt sĩ, bị cáo A là lao động chính, các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Thị Kim N có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, nuôi ba con còn nhỏ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặc dù các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trên nhưng để đáp ứng cho yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm về ma túy đang gia tăng phức tạp tại địa bàn tỉnh Trà Vinh và để giảm cầu trong công tác phòng chống ma túy. Với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo như phân tích trên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết để có đủ thời gian nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo bản thân và trở thành người tốt, giúp ích cho bản thân các bị cáo, gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng được niềm tin và lòng mong muốn của nhân dân địa phương đối với việc xử lý các loại tội phạm này. Đối với bị cáo N cố tình chối tội, không thừa nhận tội cho thấy bị cáo N là đối tượng khó cảm hóa, giáo dục, không ăn năn hối cải nên cần cách ly bị cáo không thời hạn nhằm giáo dục bị cáo.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Huỳnh phương T và Trần Thị Kim N nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.100.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước.
- 09 túi màu đỏ, được hàn kín, kích thước 10cm x 06cm, bề mặt có in chữ Ferrari và logo hình con ngựa, bên trong là ma túy.
- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, kích thước 4,5cm x 3,5cm, loại vuốt khoả miệng, cạnh dưới được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng là chất ma túy.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, kích thước 13cm x 08cm, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng là chất ma túy.
 - 01 túi nylon dạng túi Zip, kích thước 13cm x 08cm, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, bên trong có chứa 100 viên nén màu xám đen, không rõ hình dạng là ma túy.
 - 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính 23,5cm, bề mặt đĩa có dính chất màu trắng nghi là ma túy.
 - 01 thẻ nhựa màu cam, kích thước 8,5cm x 5,5cm; 01 túi nylon màu trắng trong suốt, dạng túi Zip, có viền màu đỏ, đáy hàn kín, kích thước 6,2cm x 4,7cm, đã qua sử dụng.
 - 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 11cm x 7cm, bên trong có chứa chất bột màu xám đen nghi là chất ma túy.
 - 01 bật lửa màu cam, có chữ BIC.
 - 01 ống nhựa màu trắng dạng ống hút, được hàn kín một đầu, kích thước 5cm x 0,8cm.
 - 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 3,5cm x 2,8cm.
 - 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 4,2cm x 3,8cm
 - 01 túi nylon trong suốt, miệng hở, kích thước 06cm x 05cm
 - 01 đoạn nhựa màu trắng được hàn không kín một đầu, không rõ hình dạng, kích thước 07cm x 1,8cm.
 - 02 túi nylon dạng túi Zip có viền màu đỏ, loại vuốt khoá miệng, kích thước 09 x 06 cm, đã qua sử dụng, bên trong có chứa chất nghi là ma túy.
 - 01 thẻ nhựa màu xanh trắng (thẻ sim mạng Vinaphone).
 - 01 ống nhựa màu xanh trắng kích thước 13 x 0,6 cm.
 - 01 ống nhựa màu xanh trắng kích thước 13 x 0,6 cm.
 - 01 phần viên nén màu xám đen, không rõ hình dạng, nghi là chất ma túy.
- Đây là các vật chứng liên quan đến quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.
- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng, cuộn thành ống dài 13,5cm, đường kính 0,7cm, hai đầu có đầu lọc thuốc lá màu cam;
 - 01 (một) máy chiếu màu trắng đen, số seri 7B31DPKONG31Q310068, đã qua sử dụng.
 - 01 hệ thống loa màu đen, nhãn hiệu BANHBAO, loại 300W.
 - 01 thiết bị đèn Lazer show, TX-888, màu đen, đã qua sử dụng.
 - 01 thiết bị đèn Lazer show, MP7979.V10, màu đen, đã qua sử dụng.
 - 01 thiết bị đèn PartyLights, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị máy chiếu màu đen, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng.
- 01 máy chiếu không nhãn hiệu, màu đen.
- 01 thiết bị đèn Lazer Show MP-787, màu đen.
- 01 điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy Iphone 11 Promax, của Bị cáo Ngô Phước A.
- 01 điện thoại di động màu xanh, tên kiểu máy Iphone 12 Promax, đã qua sử dụng của Bị cáo Trần Phúc B1.
- 01 điện thoại di động màu hồng, tên kiểu máy Iphone XS MAX, đã qua sử dụng của Bị cáo Trần Diệu H2.
- 01 điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng của Bị cáo Đoàn Thị Thu T4.
- 01 điện thoại di động màu hồng và màu vàng tên kiểu máy Iphone 7 Plus của Bị cáo Huỳnh Phương T.

Đây là các vật chứng liên quan đến quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 Camera màu trắng nhãn hiệu Tiandy, số 488206C3496A00110 model: TC-H322N, IP: 192.168.1.2, Key: 145BA3AB, kèm theo 01 thẻ nhớ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

- 01 Camera màu trắng nhãn hiệu Tiandy, số 488206C3507A01375, model: TC-H322N, IP: 192.168.1.2, Key: 9D53969B, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

- 01 điện thoại samsung Galaxy Note20 5G đã qua sử dụng của bị cáo A và 01 điện thoại Iphone 8 Plus của đã qua sử dụng của bị cáo T

Đây là các vật chứng không liên quan đến quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo nên giao trả lại bị cáo Huỳnh Phương T, Ngô Phước A.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử sơ thẩm tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhận định trên, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Kim N 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là quá nhẹ đối với hành vi của bị cáo vì bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N và ý kiến của bị cáo N đề nghị tuyên bị cáo N không phạm hai tội như cáo trạng đã truy tố là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Thị Kim N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, các bị cáo Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên xử:

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Phương T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho hai tội buộc bị cáo chấp hành là 28 (hai mươi tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 26/7/2024.

2. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim N tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho hai tội buộc bị cáo chấp hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Phúc B1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 27/7/2024.

Xử phạt bị cáo Ngô Phước A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 27/7/2024

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Thu T4 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 27/7/2024

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Diệu H2 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 27/7/2024

5. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 để đảm bảo thi hành án.

6. Tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Trần Thị Kim N cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

7. Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Huỳnh phương T và Trần Thị Kim N nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.100.000đ (sáu triệu một trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 09 túi màu đỏ, được hàn kín, kích thước 10cm x 06cm, bề mặt có in chữ Ferrari và logo hình con ngựa, bên trong là ma túy.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, kích thước 4,5cm x 3,5cm, loại vuốt khóa miệng, cạnh dưới được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng là chất ma túy.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, kích thước 13cm x 08cm, có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng là chất ma túy.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, kích thước 13cm x 08cm, có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, bên trong có chứa 100 viên nén màu xám đen, không rõ hình dạng là ma túy.

- 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính 23,5cm, bề mặt đĩa có dính chất màu trắng nghi là ma túy.

- 01 thẻ nhựa màu cam, kích thước 8,5cm x 5,5cm; 01 túi nylon màu trắng trong suốt, dạng túi Zip, có viền màu đỏ, đáy hàn kín, kích thước 6,2cm x 4,7cm, đã qua sử dụng.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, kích thước 11cm x 7cm, bên trong có chứa chất bột màu xám đen nghi là chất ma túy.

- 01 bật lửa màu cam, có chữ BIC.

- 01 ống nhựa màu trắng dạng ống hút, được hàn kín một đầu, kích thước 5cm x 0,8cm.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, kích thước 3,5cm x 2,8cm.

- 01 túi nylon dạng túi Zip, có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, kích thước 4,2cm x 3,8cm

- 01 túi nylon trong suốt, miệng hở, kích thước 06cm x 05cm

- 01 đoạn nhựa màu trắng được hàn không kín một đầu, không rõ hình dạng, kích thước 07cm x 1,8cm.

- 02 túi nylon dạng túi Zip có viền màu đỏ, loại vuốt khóa miệng, kích thước 09 x 06 cm, đã qua sử dụng, bên trong có chứa chất nghi là ma túy.

- 01 thẻ nhựa màu xanh trắng (thẻ sim mạng Vinaphone).

- 01 ống nhựa màu xanh trắng kích thước 13 x 0,6 cm.

- 01 ống nhựa màu xanh trắng kích thước 13 x 0,6 cm.

- 01 phần viên nén màu xám đen, không rõ hình dạng là chất ma túy.

* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng, cuộn thành ống dài 13,5cm, đường kính 0,7cm, hai đầu có đầu lọc thuốc lá màu cam;

- 01 (một) máy chiếu màu trắng đen, số seri 7B31DPKONg31Q310068, đã qua sử dụng.

- 01 hệ thống loa màu đen, nhãn hiệu BANHBAO, loại 300W.

- 01 thiết bị đèn Lazer show, TX-888, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị đèn Lazer show, MP7979.V10, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị đèn PartyLights, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị máy chiếu màu đen, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

- 01 máy chiếu không nhãn hiệu, màu đen.

- 01 thiết bị đèn Lazer Show MP-787, màu đen.

- 01 điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy Iphone 11 Promax, của bị cáo Ngô Phước A.

- 01 điện thoại di động màu xanh, tên kiểu máy Iphone 12 Promax, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Phúc B1.

- 01 điện thoại di động màu hồng, tên kiểu máy Iphone XSMAX, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Diệu H2.

- 01 điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng của bị cáo Đoàn Thị Thu T4.

- 01 điện thoại di động màu hồng và màu vàng tên kiểu máy Iphone 7 Plus của Bị cáo Huỳnh Phương T

* Trả lại cho bị cáo Huỳnh Phương T.

- 01 Camera màu trắng nhãn hiệuTiandy, số 488206C3496A00110 model: TC-H322N, IP: 192.168.1.2, Key: 145BA3AB, kèm theo 01 thẻ nhớ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

- 01 Camera màu trắng nhãn hiệuTiandy, số 488206C3507A01375, model: TC-H322N, IP: 192.168.1.2, Key: 9D53969B, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

- 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng

* Trả lại cho bị cáo Ngô Phước A 01 Điện thoại samsung Galaxy Note20 5G đã qua sử dụng.

8. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Huỳnh Phương T, Trần Thị Kim N, Trần Phúc B1, Ngô Phước A, Đoàn Thị Thu T4, Trần Diệu H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành